

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2019

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Châu.

2. Ông Trọng Văn Cẩm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Khuyển, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Lê Thị Hoàng Y, sinh năm 1983, địa chỉ cư trú: 252/3C, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

2. *Bị đơn:* anh Bùi Hoàng K, sinh năm 1978, địa chỉ cư trú: đội 4, ấp D, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị Hoàng Y trình bày:*

- Về hôn nhân: chị và anh Bùi Hoàng K tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/10/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh Khoát tại địa chỉ 7/3, ấp D, xã G, huyện T. Vợ chồng chung sống đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh K sống không có trách nhiệm với vợ con, thường tụ tập đi chơi với bạn bè. Chị và người thân gia đình nhiều lần khuyên nhưng anh K không thay đổi nên vào tháng 3 năm 2014, chị nộp đơn xin ly hôn anh K tại Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, đến tháng 8/2014 thì chị rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án để tạo điều kiện cho anh K có cơ hội sửa đổi, vợ chồng đoàn tụ. Nhưng kể từ khi rút đơn, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được do anh K vẫn không thay đổi lối sống. Từ năm

2014 đến nay, chị và anh K không còn chung sống và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm vợ chồng với anh K nên xin ly hôn.

- Về con chung: có hai con chung là cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 16/8/2003 và cháu Bùi Minh V1, sinh ngày 25/10/2006 hiện do anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, chị đồng ý giao hai con chung cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng. Do hiện tại chị không có nhà ở riêng, phải sống nhờ cha mẹ ruột, làm công nhân thu nhập chỉ hơn 6.000.000đ/tháng nếu có tăng ca nên tạm thời chị xin không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/01/2019, bị đơn là anh Bùi Hoàng K trình bày:*

- Về hôn nhân: anh và chị Lê Thị Hoàng Y quen biết, tìm hiểu nhau được khoảng 02 năm thì tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/10/2001. Chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau về tính tình và quan điểm sống, chị Y theo bạn bè làm ăn nên không còn lo lắng, quan tâm đến gia đình, anh nhiều lần khuyên ngăn nhưng chị Y không thay đổi. Từ năm 2012 đến nay, chị Y bỏ đi nơi khác, cả hai không còn chung sống và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Anh không còn tình cảm vợ chồng với chị Y nhưng do anh là người theo đạo công giáo nên anh không đồng ý ly hôn và ký các giấy tờ ly hôn.

- Về con chung: có hai con chung là cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 16/8/2003 và cháu Bùi Minh V1, sinh ngày 25/10/2006. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm nghề phụ hồ, thu nhập trung bình khoảng 6.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, chị Y giữ nguyên yêu cầu và ý kiến đã trình bày nêu trên.*

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: nguyên đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về việc giải quyết tranh chấp: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y; giao hai con chung cho anh K nuôi dưỡng, tạm thời chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét; chị Y phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Lê Thị Hoàng Y khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Bùi Hoàng K có nơi cư trú tại huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn anh Bùi Hoàng K đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết tranh chấp của vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Y và anh K tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2001, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định, là hôn nhân hợp pháp, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên chị Y xin ly hôn. Xét thời điểm hiện tại Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực, việc kết hôn của chị Y và anh K thỏa mãn các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật này, chị Y và anh K cũng không có tranh chấp về tài sản nên Tòa án áp dụng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 để giải quyết. Chị Y được quyền đơn phương xin ly hôn anh Khoát theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật này. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh K xảy ra đã lâu, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra bất đồng tranh cãi. Chị Y và anh K đã tìm cách hòa giải, năm 2014 chị Y đã xin ly hôn, trong quá trình giải quyết chị Y rút đơn được Tòa án chấp nhận và đình chỉ giải quyết vụ án nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được. Từ năm 2014 đến nay, chị Y và anh K không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ chung của vợ chồng. Trong quá trình giải quyết, anh K xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Y nhưng không đồng ý ly hôn do anh là người theo đạo công giáo, không cho phép ly hôn. Chính quyền địa phương nơi chị Y và anh K cư trú cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y và anh K xảy ra đã lâu, cả hai không còn chung sống. Do vậy, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị Y và anh K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Y, cho chị Y được ly hôn anh K.

[2.2] Về nuôi con chung: có hai con chung là cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 16/8/2003 và cháu Bùi Minh V1, sinh ngày 25/10/2006. Ly hôn, anh K xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung được chị Y đồng ý. Xét hai con chung của chị Y và anh K được anh K trực tiếp nuôi dưỡng từ năm 2014 cho đến nay, trong quá trình giải quyết các cháu đều xác định được anh K quan tâm lo lắng, cho ăn học đầy

đủ và có nguyện vọng được sống với anh K, phù hợp với thông tin do cán bộ phụ trách công tác gia đình và trẻ em tại địa phương cung cấp. Do vậy, nhằm bảo đảm cho các cháu ổn định cuộc sống, có điều kiện phát triển tốt nhất về mọi mặt, cần giao cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do không trực tiếp nuôi con nên chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị Y và anh K được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tòa án đã giải thích về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nhưng anh K không yêu cầu, chị Y thì không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không buộc chị Y phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết anh K được quyền yêu cầu chị Y thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4] Về chia tài sản: chị Y xác định trong thời gian chung sống với anh K có tạo lập được tài sản chung nhưng anh K cho rằng không có. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết chị Y và anh K đều không yêu cầu phân chia nên không đặt ra xem xét giải quyết. Trường hợp phát sinh tranh chấp, các bên được quyền khởi kiện vụ án chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định.

[2.5] Về nợ chung : chị Y và anh K đều xác định không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: chị Y phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 ; Điều 8, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81, khoản 2 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Hoàng Y.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Hoàng Y và anh Bùi Hoàng K.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung là cháu Bùi Quốc V, sinh ngày 16/8/2003 và cháu Bùi Minh V1, sinh ngày 25/10/2006 cho anh K trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng... Tạm thời chị Y không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Chị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết chị Y và anh K được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí: chị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 001596 ngày 27/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Y đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: chị Y được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh K được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được cấp, tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Thống Nhất;
- Thi hành án dân sự H. Thống Nhất;
- Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 1, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Trung Hưng